

Số: 16/2025/QĐST-HNGĐ

B, ngày 05 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Phạm V, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị N và anh Phạm Văn .
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về quan hệ con chung: chị Phan Thị N và anh Phạm Văn C 02 con chung là

Phạm Ngọc Mai K, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2010 và Phạm Kiến P, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2021. Anh, chị thỏa thuận giao 02 con chung cho chị Phan Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Phạm V có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền qua lại thăm con; chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh V lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Phan Thị N thỏa thuận nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003539, ngày 04 tháng 4 năm 2025. Chị Phan Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- UBND x. Quảng Hải, tx. Ba Đồn (GCNKH số 04, ngày 27/01/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức